

CÔNG ĐỒNG VATICAN II Ở VIỆT NAM

(Nhìn từ góc độ lí luận về hội nhập văn hoá)

NGUYỄN HỒNG DƯƠNG^(*)

Vatican II là đại Công đồng thứ 21 của Giáo hội Công giáo. Với 16 văn kiện, Công đồng đề cập nhiều vấn đề lớn của Giáo hội Công giáo. Phần nhiều các nhà nghiên cứu trong và ngoài giáo giới đều thống nhất ở một điểm chung, toát yếu của Công đồng là CANH TÂN và NHẬP THỂ.

36 năm có lẽ đã trôi qua kể từ khi Công đồng kết thúc (1965). Việc thực hiện Công đồng ở Việt Nam được triển khai trên nhiều bình diện. *Bài viết này nhìn nhận việc thực hiện Công đồng Vatican II ở Việt Nam dưới góc độ lí luận về hội nhập văn hóa với 3 nội dung sau:*

- Những cách nhìn nghiêm khắc.
- Tìm hiểu văn hóa dân tộc để trở về và tiếp thu.
- Từ Việt hoá đạo đến hội nhập văn hóa.

NHỮNG CÁCH NHÌN NGHIÊM KHẮC

Trên lĩnh vực lí luận, các linh mục, tu sĩ, nhà nghiên cứu là tín đồ Công giáo (từ đây gọi tắt là giới nghiên cứu Công giáo) trên tinh thần CANH TÂN của Công đồng Vatican II đã nghiêm khắc nhìn lại chặng đường truyền giáo phát triển đạo Công giáo ở Việt Nam sau hơn 300 năm truyền giáo. Sự nghiêm khắc này là lẽ đương nhiên vì trước khi làm việc gì lớn người ta thường kiểm lại vốn liếng, hoặc xem mình đã làm được những gì. Vốn liếng được nhìn nhận ở đây bao gồm cả cơ sở vật chất lẫn cơ sở tinh thần. "Nếu những cơ sở của Hội thánh tại

Việt Nam thật là nhiều và đồ sộ, thì trái lại, những cơ sở tinh thần nhỏ bé, mỏng manh. Đến một cuốn giáo lí phổ thông cho người lớn cũng chưa có, nói chi là những sách vở, báo chí thần học! Phần đông giáo dân chỉ biết sống với một mớ giáo lí rất khô khan và hơi hợt đã học hồi còn nhỏ, một số khác tiếp tục được nuôi dưỡng bằng những sách vở có tính chất tình cảm, những câu chuyện thiên về luân lí, đạo đức hơn là sách vở có tính chất giáo lí. Nào là *tập Trung thần công*, nào là *Hạnh các Thánh*, *Truyện Thánh Alêxù*, *Sự lạ Phatima* với *Bức thư hoả ngục*⁽¹⁾.

Tác giả bài viết tỏ ra lo ngại về việc nhập cảng, tính cứng nhắc và bảo lưu thủ cựu của Giáo hội Công giáo Việt Nam: "Một số khách Âu Châu sau những ngày thăm viếng ở Việt Nam đã tỏ vẻ thất vọng vì không tìm được cái gì mới mẻ, độc đáo trong lĩnh vực phụng vụ so với những sáng kiến đôi khi táo bạo của các nước Phi Châu, cũng như một vài nước Á Châu như: Ấn Độ, Nhật Bản và Đài Loan. Họ chỉ nhận thấy có một điểm thay đổi là tiếng Việt đã thay thế tiếng Latinh. Trái lại, họ vẫn còn nhìn thấy những kiểu áo, thấy những kiểu nhà thờ, bàn thờ, chân nến, tượng ảnh Tây phương lỗi thời... đến nỗi có người dám nói rằng họ có cảm tưởng như Việt Nam là một bảo tàng viện duy trì những đồ cổ Âu Châu".⁽²⁾

*. TS. Viện Nghiên cứu Tôn giáo.

1. *Nhà Chúa*. Số 20, tr. 29.

2. *Nhà Chúa*. Số 20, tr. 29.

Tám năm sau Công đồng Vatican II, từ ngày 3 đến ngày 26 - 12 - 1973, Pie Gétđơ, phái viên của Bộ Ngoại giao Vatican đến miền Nam lúc trở về đã phúc trình lên Bộ trưởng Bộ Ngoại giao Vatican, trong đó có đoạn: "Thật khó mà không phê phán Giáo hội miền Nam, Việt Nam. Giáo hội không đặt vấn đề canh tân, chỉ có một số tổ chức tiến bộ bị họ "lên án" mới đặt vấn đề suy tư về nhân phẩm làm người và trách nhiệm Giáo hội trước tình thế đất nước. Nhưng Giáo hội miền Nam, Việt Nam thì chú ý đến tiêu tiền và xây cất". Nguyên nhân của các tình trạng trên được Gétđơ chỉ ra là: "Giáo hội miền Nam còn nặng tinh thần trên dưới, không có tinh thần đối thoại và chia sẻ trách nhiệm đối với giáo dân. Giám mục và linh mục được coi như lãnh chúa. Nói chung các linh mục được rất nhiều ưu lợi. Họ sống trong các dinh thự, có tủ ướp lạnh, radiô, tivi, xe hơi, tiền tài và họ ra lệnh. Họ được kính trọng và nhiều đặc ân khác nếu họ khoác áo dòng. Giáo hội nói chung bị ảnh hưởng quá nhiều vào quyền lực Nhà nước"⁽³⁾.

Với cái nhìn nghiêm khắc, trong bài *Giáo hội Việt Nam đã và còn phải nhập thế như thế nào* viết nhân dịp 20 năm Công đồng Vatican II, linh mục Thiện Cẩm đánh giá: "Giáo hội Việt Nam đã được hơn ba trăm tuổi, nhưng mới thực sự làm chủ vận mạng của mình được có hai mươi lăm năm! Ông cụ già mới biết đi, hay mới được đi một mình đó, chưa đủ thời gian để định hướng thì đã phải vội bước ngay vào trong đại hội của Dân Chúa trên khắp hoàn cầu tụ về Vatican cách đây 20 năm"⁽⁴⁾. Sau khi điểm một số những thành tựu đã đạt được để "Vui mừng và hi vọng", tác giả kết luận: "Tóm lại, ngày nay chúng ta có một Giáo hội Việt Nam hoàn toàn Việt Nam về màu da, về tiếng nói, nhưng cách diễn tả, cử

chỉ, dáng điệu cho đến y phục, và nhất là tư tưởng thì còn trợ trợ, lơ lơ giọng Tây"⁽⁵⁾.

Trong bài viết, linh mục Thiện Cẩm đề cập tới 5 lĩnh vực đó là ngôn ngữ; các nghi thức; nghệ thuật; lãnh vực tư tưởng; cơ cấu tổ chức và đời sống. Ở từng lĩnh vực tác giả đều nghiêm khắc chỉ ra những mặt hạn chế.

Vấn đề ngôn ngữ: Giáo hội Việt Nam không còn nói tiếng Latinh, nhưng phải thú nhận rằng chúng ta chưa thực sự sử dụng hoàn toàn đúng ngôn ngữ Việt Nam.

Vấn đề các nghi thức: Chúng ta còn giữ nguyên vẹn những nghi thức thuần túy Rôma (đôi khi còn Rôma hơn Rôma).

Vấn đề nghệ thuật: Các nhà thờ, các cơ sở tôn giáo của chúng ta tuyệt đại đa số được kiến trúc theo lối Tây phương, mà là lối thường được coi như lỗi thời nhất. Các tượng ảnh của chúng ta chỉ rập khuôn theo mẫu ảnh tượng Tây phương không nghệ thuật chút nào.

Lãnh vực tư tưởng: Tư tưởng thần học của chúng ta chủ yếu có lẽ chỉ là lặp lại tư tưởng thần học của Tây phương, đôi khi còn lặp lại những gì đã lỗi thời! Lời Chúa chưa nhập thế vào trong không gian Việt Nam và trong thời gian hiện tại của những biến cố diễn ra giữa chúng ta, và trực tiếp ảnh hưởng đến chúng ta, do đó chưa có thể tạo nên những tác động mạnh, những sự "va chạm", "cọ sát" khiến nảy ra những tia sáng.

Có thể những nhận định nghiêm khắc trên đây sẽ gặp phải sự không tán đồng của

3. Báo *Công an Nhân dân*. Số 820. Ra ngày 3-3-1975.

4. Linh mục Thiện Cẩm. *Giáo hội Việt Nam đã và còn phải nhập thế như thế nào*. Trong cuốn: *Suy tư và đóng góp cho thần học Việt Nam*, Năm Thánh 2000, tài liệu lưu hành nội bộ, khai thác từ phía Giáo hội Công giáo. Tr. 169.

5. *Giáo hội Việt Nam đã và còn phải nhập thế như thế nào*. Đã dẫn. Tr. 171.

nhiều người trong giáo giới. Song, những nhận định trên không phải không có những cơ sở khoa học và thực tiễn của nó.

TÌM HIỂU VĂN HOÁ DÂN TỘC ĐỂ TRỞ VỀ VÀ TIẾP THU

Trước Công đồng Vatican II về mặt phi quan phương đã có một số giáo sĩ ít nhiều quan tâm tìm hiểu văn hoá Việt Nam để truyền giáo. Người mà giới nghiên cứu Công giáo cho là có những thành công trên lĩnh vực này là Alexandre de Rhodes. Một sự kiện quan phương đáng được đề cập là Huấn thị của Bộ Truyền giáo cho hai giám mục Pháp là Pallu và Lambert de la Motte, năm 1659 khi được phái sang Việt Nam: "Các ngài cẩn thận giữ mình, đừng ra sức bảo các dân tộc ấy từ bỏ nghi lễ, tập tục, phong cách của họ, miễn là điều đó không ngang nhiên ngược với đạo Thánh và phong hoá tốt. Bởi vì có gì vô lí hơn là việc đưa nước Pháp, Tây Ban Nha hay nước Ý, hay một phần đất nào của Châu Âu vào nhà người dân Trung Quốc"⁽⁶⁾.

Trên thực tế những giáo sĩ như Rhodes không nhiều và việc quan tâm tìm hiểu văn hoá dân tộc Việt Nam về mặt quan phương cũng chẳng được bao nhiêu. Vấn đề tìm hiểu văn hoá dân tộc để trở về và tiếp thu chỉ thực sự được Giáo hội Công giáo Việt Nam quan tâm từ sau Công đồng Vatican II mà trước hết ở miền Nam lúc bấy giờ có những điều kiện thuận lợi nhất định. Dòng Tên với Trung tâm Đắc Lộ có lẽ là cơ sở đi đầu trong việc tìm hiểu văn hoá dân tộc. Những bài viết được tập hợp trong bộ sách ĐẠO NHẬP THẾ với các nội dung: Phụng vụ và văn hoá dân tộc; Thử tìm hiểu việc thờ phụng tổ tiên và sự thân; Cách dùng trầm hương trong các tôn giáo.

Thời gian từ năm 1975 đến năm 1980 là thời gian tạm lắng để rồi năm 1980 được

đánh dấu bằng một Thư chung lịch sử được gọi là THƯ CHUNG MỤC VỤ 1980, với một đường hướng được Giáo hội Công giáo Việt Nam xác định là: "*Sống Phúc âm giữa lòng dân tộc*". Thư chung mục vụ 1980 mở ra nhiều hoạt động của Công giáo Việt Nam thời kỳ mới trong đó có vấn đề tìm hiểu văn hoá dân tộc. Đáng chú ý đầu tiên là các công trình nghiên cứu của An Sơn Vị, của Trần Nhật Tân. Trong một chuyên luận LÀM THẦN HỌC TỪ LÒNG DÂN TỘC, in trong tuyển tập THẦN HỌC của Ủy ban Đoàn kết Công giáo thành phố Hồ Chí Minh, năm 1992, tác giả Trần Nhật Tân phân tích và đưa ra BA MÔ HÌNH THẦN HỌC LỚN để rồi đi đến kết luận, thần học phải thích nghi với văn hoá dân tộc Việt Nam.

Nhóm nghiên cứu thuộc văn phòng Ủy ban Đoàn kết Công giáo thành phố Hồ Chí Minh trong những năm từ 1992 đến 1995 đã cùng các cộng tác viên nghiên cứu về văn hoá dân tộc về vấn đề hội nhập. Nhóm này đã tổ chức các hội nghị về "*Làm thần học từ lòng dân tộc*" (11-1992); trao đổi về "*Hội nhập văn hoá Kitô giáo tại Việt Nam*" (11-1995). Kết quả của cuộc trao đổi là một tập tài liệu: "*Trong dòng sông sự sống*" (1998).

Hội nghị Thượng Hội đồng Giám mục Châu Á họp tại Rôma từ ngày 19-4 - 1998 đến ngày 14 - 5 - 1998 được các giám mục Việt Nam tham dự đã nêu lên 3 chủ đề chính:

1- Làm sao nói về Thiên Chúa Cha và Hội Thánh trong khung cảnh nền văn hoá xã hội Việt Nam vốn lấy gia đình làm nền tảng.

2- Làm sao nhận ra tác động của Chúa Thánh Thần nơi mọi người thành tâm thiện chí, đặc biệt nơi các tôn giáo bạn.

6. Linh mục Trần Tam Tỉnh. *Thập giá và lưỡi gươm*. Nxb Trẻ, 1988, tr. 19.

3- Làm sao để việc tôn kính ông bà, tổ tiên giúp người ta nhận biết Thiên Chúa và hiểu rõ hơn về đạo hiếu của người Công giáo Việt Nam⁽⁷⁾.

Trong hội nghị này, Hồng y Phaolô Giuse Phạm Đình Tụng, Chủ tịch Hội đồng Giám mục Việt Nam, Tổng Giám mục Hà Nội đã có bài phát biểu quan trọng, trong đó có đoạn: "Chúng ta cần mở rộng đôi mắt, con tim chúng ta để nhìn về những người anh chị em có niềm tin tôn giáo sống quanh chúng ta. Chính với sự kính trọng và thiện cảm mà chúng ta phải bàn về những giáo lí tôn giáo và triết học khác với giáo lí chúng ta. Chúng ta phải chấp nhận khám phá ra nơi đó những kho tàng lạ lùng, và chúng ta vui mừng lên vì sự khám phá này. Tôi không muốn chỉ nói về những dòng tư tưởng lớn gần bên chúng ta như Nho giáo, Phật giáo, Đạo giáo, Ấn Độ giáo hoặc Hồi giáo... Dân chúng đông đúc các quốc gia Châu Á biết đến, nhất là những vị thần bình dân của họ, những vị thần của đất đai, của thiên nhiên, những vị thần bảo hộ của các làng mạc. Chúng tôi, những giám mục Việt Nam xác tín rằng: Thật không thể nào loại bỏ một cách tiên thiên những niềm tin trên, dưới danh nghĩa đó là điều mê tín. Đối với những ai thực hành niềm tin này thì đây là con đường cụ thể và hàng ngày giúp đỡ họ gần hơn một chút màu nhiệm Ông Trời, màu nhiệm bao phủ và xâm nhập vào tất cả mọi sự"⁽⁸⁾.

Cuộc hội thảo được tiến hành tại Toà Tổng Giám mục Huế từ ngày 27 đến ngày 29-10-1999 với tiêu đề: "*Vấn đề tôn kính tổ tiên nơi người Công giáo*". Một trong những trọng tâm mà cuộc hội thảo quan tâm là tín ngưỡng thờ cúng tổ tiên của người Việt quá khứ và hiện tại. Đây không chỉ là vấn đề tín ngưỡng mà còn là vấn đề "văn hoá tâm

linh", một nét đẹp văn hoá của dân tộc Việt. Nét đẹp văn hoá này được dân gian gọi là đạo: ĐẠO HIẾU; ĐẠO ÔNG BÀ. Vấn đề thứ hai mà cuộc hội thảo bàn nghị là người Công giáo Việt Nam thực hành tôn kính tổ tiên như thế nào. Cuộc hội thảo từ ngày 24 đến ngày 27 tháng 10 năm 2000 cũng tại Toà Tổng Giám mục Huế với tiêu đề: "*Một số vấn đề về văn hoá Công giáo Việt Nam từ khởi thủy đến đầu thế kỉ XX*". Tuy nội chính của cuộc hội thảo xoay quanh: Những đóng góp của Công giáo vào văn hoá Việt Nam trên các lĩnh vực: Kiến trúc, thi ca, chữ Nôm, chữ Quốc ngữ, báo chí... song cũng có những báo cáo ít nhiều đề cập đến văn hóa Việt Nam. Nhà nghiên cứu Huy Thông trong bài tham luận, xoay quanh vấn đề: "*Nét tương đồng giữa văn hoá Công giáo với văn hoá Việt Nam*" đã cố công tìm tòi những nét đặc sắc của văn hoá Việt Nam từ đó soi dọi vào văn hoá Công giáo để thấy được những nét tương đồng. Bài "*Có chăng một nền văn hoá Công giáo Việt Nam?*" của Linh mục Thiện Cẩm, phần mở đầu tác giả thông qua việc luận bàn thuật ngữ văn hóa, ít nhiều đề cập đến những đặc trưng của văn hóa phương Đông.

Điều đáng chú ý là giới nghiên cứu Công giáo là người Việt Nam đang định cư ở nước ngoài cũng rất quan tâm đến vấn đề nghiên cứu văn hoá dân tộc. Chúng tôi chỉ xin dẫn ra đây một số tư liệu, trước hết là cuốn *Trần Lục*. Nhân viết về nhân vật Trần Lục (1825 - 1899), linh mục chính xứ Phát Diệm, tác giả của quần thể kiến trúc Nhà

7. Thư mục vụ của Hội đồng Giám mục Việt Nam (17-10-1998).

8. Những ưu tiên về công việc rao giảng Phúc Âm tại Á Châu, trong cuốn *Những chặng đường mục vụ tại Tổng giáo phận Hà Nội (1994 - 1999)*, Toà Tổng Giám mục Hà Nội xuất bản, tr. 44 - 45.

thờ Lớn Phát Diệm và những ca về văn một số tác giả đã đề cập tới văn hoá Việt Nam. Chẳng hạn bài: *Nhà thờ Chính toà Phát Diệm, một công trình thích nghi phụng vụ về phương diện nghệ thuật đi trước Công đồng chung Vatican II*, tác giả Trần Văn Khả nhận xét: Văn hoá Việt Nam là một văn hoá mở rộng⁽⁹⁾. Trong hai ngày 2 và 3 tháng 8 năm 1996, tại tu viện Xitô Việt Nam - Orsonnens - Thụy Sĩ, tổ chức cuộc gặp gỡ và thảo luận đầu tiên để thảo luận về Thần học Việt Nam. Các bản tham luận được in trong tập sách: *Gặp gỡ và thảo luận về Thần học Việt Nam*, Định hướng Tùng thư xuất bản 1977. Trong bài *Triết lý truyền thống Việt tộc dọn đường cho thần học Việt Nam*, Linh mục Phêrô Vũ Đình Trác bàn đến những vấn đề triết lý âm dương; triết lý nông nghiệp; trống đồng Việt tộc...⁽¹⁰⁾ là những nét tiêu biểu của văn hóa Việt Nam. Giáo sư Trần Văn Đoàn trong bài *Từ Việt triết đến Việt thần* với lời mở đầu bài tham luận: Trọng tâm của luận văn chỉ gọi một số suy tư về bản thể của tư tưởng Việt và thử nhận định xem với tư cách cá biệt và đặc thù của Việt dân, chúng ta có thể xây dựng một số nền thần học, gọi là thần học Việt Nam hay không?

Bản tham luận gồm hai phần chính: Phần thứ nhất thảo luận sự khác biệt trong hai lối tư duy của Việt và Tây, trong khi phần thứ hai đưa ra một số đề nghị suy tư về thần học Việt Nam⁽¹¹⁾.

Cuốn tài liệu thứ ba: *Suy tư và đóng góp cho Thần học Việt Nam* có nhiều bài nghiên cứu đề cập đến văn hoá Việt Nam. Bài viết: *Triết lý truyền thống Việt tộc dọn đường cho Thần học Việt Nam* của Linh mục Phêrô Vũ Đình Trác được đăng lại trong tập sách này. Ngoài ra còn có những bài đáng chú ý như: *Thần học Công giáo và văn hoá dân tộc của*

Đức Ông Đặng Đức Đạo; *Giáo hội Việt Nam đã và còn phải nhập thể như thế nào của Linh mục Thiện Cẩm; Ông Bà Tổ Tiên giá trị văn hoá, phong tục tập quán Việt Nam liên hệ với việc truyền giáo của giáo sư Trần Văn Đoàn...* Những bài nghiên cứu trên như lời mở đầu cuốn sách nêu: "Thêm vào đó là những cố gắng đã từ lâu của người Công giáo Việt Nam muốn đào sâu nền tảng văn hoá dân tộc để bắc nhịp cầu nối liền Thần học Công giáo vào nếp sống dân tộc"⁽¹²⁾.

Do khuôn khổ của bài viết nên chúng tôi mới chỉ nêu dẫn liệu là chủ yếu. Việc phân tích sâu xin được đề cập vào dịp khác.

TỪ VIỆT HOÁ ĐẠO ĐẾN HỘI NHẬP VĂN HOÁ

Giới nghiên cứu Công giáo dựa trên tinh thần Canh tân của Công đồng Vatican II bàn nhiều đến nội dung làm sao đưa Công giáo Việt Nam hoà nhập với văn hoá Việt Nam được gọi là *Việt hoá đạo*. Có học giả mạnh dạn đề nghị Giáo hội Công giáo Việt Nam phải chấp nhận nền văn hoá Việt Nam với lập luận: "Chấp nhận, lệ thuộc một nền văn hoá, một dân tộc, một hoàn cảnh địa lý và lịch sử mà không bị nô lệ, nhưng vẫn vượt qua, thăng tiến và vươn lên mãi tới độ hoàn thiện, đó là đặc điểm của Chúa Kitô nhập thế và nhập thể".

Tháng 11 năm 1970, Hội nghị Giám mục Châu Á họp kì đại hội ở Manila (Philippin) với nội dung quan trọng cổ súy cho "*nền thần học địa phương*". Nhưng trước hết, Đại

9. Trần Lục. Sách xuất bản ở nước ngoài. Tài liệu khai thác từ phía Giáo hội Công giáo, tr. 61.

10. Trung tâm Nguyễn Trường Tộ. *Gặp gỡ và thảo luận về Thần học Việt Nam*. Định hướng Tùng thư, xuất bản 1977, các trang từ 53 đến 62.

11. *Gặp gỡ và thảo luận về Thần học Việt Nam*. Sđd, tr. 79 - 80.

12. *Suy tư và đóng góp cho Thần học Việt Nam*, Năm Thánh 2000 (Lưu hành nội bộ), tr. 2.

hội kiểm điểm một cách nghiêm túc: "Chúng tôi phải lấy làm tiếc và nhìn nhận rằng chúng tôi cũng đã thiếu sót. Chúng tôi đã không thể hiện một đời sống Kitô hữu và không làm cho Hội Thánh được nhập thể trong những đường lối mẫu mực của mỗi nền văn hoá riêng của chúng tôi và do đó đã làm cho Hội Thánh đã trở nên xa lạ trong quốc gia chúng tôi".

Từ đó các Giám mục Châu Á tại Manila đi đến quyết định: "Chúng tôi hứa sẽ phát huy một nền thần học địa phương và làm tất cả những gì chúng tôi có thể làm được, để đời sống sứ điệp của Tin Mừng được nhập thể hơn bao giờ hết vào các nền văn hóa phong phú và lâu đời ở Á Châu, có thể góp phần phát huy những gì "thực sự nhân bản trong nền văn hoá đó" (Nghị quyết 13)⁽¹³⁾. Cùng với Công đồng Vatican II, Đại hội các Giám mục Châu Á cổ súy và tạo đà cho *Việt hoá đạo*. Giới nghiên cứu Công giáo đề ra nhiệm vụ: "Phải nghiên cứu, học hỏi tư tưởng, văn hoá, những quan niệm triết lí, đạo đức cũng như nghệ thuật, phong tục địa phương"⁽¹⁴⁾. Còn nhiệm vụ của Giáo hội là "Phải biết mặc lấy thân phận của một dân tộc không những có ý nghĩa là phải hiểu biết và nói được ngôn ngữ của họ, nhưng còn phải sống cuộc sống của họ"⁽¹⁵⁾.

Những nội dung chủ yếu được đặt ra cho xu hướng *Việt hoá đạo* là:

Xây dựng một nền thần học Công giáo ở Việt Nam, của người Việt Nam, hoà nhập được với nền phong tục tập quán với nền văn hoá Việt Nam vốn có truyền thống lâu đời.

Cho phép giáo dân được lập bàn thờ Tổ tiên, được tham gia các nghi lễ tín ngưỡng, tôn giáo ngoài Công giáo, được phép hôn phối với người ngoại đạo.

Dịch thuật lại Kinh Thánh, chú giải rõ ràng, cải tiến Thánh lễ, Thánh nguyện, Thánh ca, thi ca phụng vụ hợp với ngôn ngữ Việt Nam.

Trong giảng lễ của linh mục thay đổi hoặc cải tiến những nghi lễ cho phù hợp với nghi lễ truyền thống Việt Nam.

Đối với giới tu sĩ nhất là nữ tu cần phải Việt hoá tên gọi, Việt hoá lối ăn mặc, cách sống sao cho "kịp đà sống dân tộc mình, linh hội được cảm nghĩ, tư tưởng, nhu cầu của dân tộc mình và chỉ khi nào đạt đến như thế mới Việt hoá đạo được"⁽¹⁶⁾.

Sau ngày miền Nam hoàn toàn giải phóng, thuật ngữ *Việt hoá đạo* dần dần ít được sử dụng. Thay vào đó là thuật ngữ *Hội nhập văn hoá*. Sở dĩ như vậy vì thuật ngữ này được Giáo hội sử dụng rất muộn. Theo Linh mục Đặng Thanh Minh: "Đức Gioan Phaolô II là vị Giáo hoàng đầu tiên đã dùng từ hội nhập văn hoá. Trong thông điệp *Slavorum Apostoli*, ban hành năm 1985 để kỷ niệm 11 thế kỉ hoạt động truyền giáo của hai thánh Cyrille và Méthode, Ngài viết: Trong việc phúc âm hoá mà các ngài thực hiện như là những người tiên phong ở những lãnh thổ của các dân tộc Slava, người ta đã gặp một kiểu mẫu cho điều mà hôm nay người ta gọi là hội nhập văn hoá; Sự nhập thể của Tin Mừng vào trong các nền văn hoá bản xứ và đồng thời là việc các nền văn hoá ấy đi vào đời sống của Giáo hội" (Số 21)⁽¹⁷⁾. Trong một công trình nghiên cứu của

13. *Nhà Chúa*. Số 20, tr. 36.

14. *Chọn*. Số 4, tr. 14.

15. Linh mục Thiện Cẩm. *Hội Thánh hôm qua, hôm nay và ngày mai tại Việt Nam*. *Nhà Chúa*. Số 20, tr. 43.

16. Thân Văn Tường. *Việt hoá đạo Việt Nam*. *Nhà Chúa*. Số 33, tr. 127.

17. Linh mục Đặng Thanh Minh. *Tôn kính Tổ tiên một hướng đi hội nhập khẩn thiết của Giáo hội tại Việt Nam*. Bài tham dự Hội thảo *Tôn kính Tổ tiên nơi người Công giáo*. Toà Tổng Giám mục Huế tổ chức tháng 10-1999.

mình chúng tôi đã có dịp đề cập một số quan điểm của giới nghiên cứu Công giáo về hội nhập Kitô giáo với văn hoá Việt Nam, ở đây xin phép không nhắc lại⁽¹⁸⁾. Tuy nhiên dựa trên những nguồn tư liệu mới chúng tôi xin đề cập một số nội dung về hội nhập văn hoá từ phía Giáo hội Rôma và Giáo hội Công giáo Việt Nam.

Về phía Giáo hội Rôma đáng chú ý là hai văn bản: *Huấn thị thứ tư để áp dụng đúng Hiến chế phụng vụ của Công đồng Vatican II* (các số 37 - 40) và *Thử tìm một hướng mục vụ cho vấn đề văn hoá*. Nhưng trước hết chúng tôi đề cập đến bản Huấn thị của Hội đồng Giáo Hoàng về văn hoá với tựa đề: *Thử tìm một hướng mục vụ cho văn hoá* được ban hành ngày 23-5-1999. Phần *Phúc âm hoá và hội nhập văn hoá* Số 5 viết: "... Qua việc hội nhập văn hoá, Giáo hội làm cho Tin Mừng nhập thể vào các nền văn hoá khác nhau và đồng thời đưa dân chúng, cùng với văn hoá của họ, bước vào cộng đoàn của mình..."⁽¹⁹⁾

Văn bản thứ hai của Bộ Phụng Tự và Kỷ luật Bí tích của Giáo triều Rôma với bản *Huấn thị thứ tư để áp dụng đúng Hiến chế phụng vụ của Công đồng Vatican II* (các số 37 - 40). Bản tin Hiệp thông số 5 - 1999, lời giới thiệu về Huấn thị trên cho biết: "Đây là văn kiện đặc biệt nói về việc hội nhập văn hoá trong phụng vụ. Văn kiện này bàn về những nguyên tắc chung hướng dẫn chúng ta đưa bản sắc dân tộc vào nghi lễ phụng vụ Rôma đang được thực hiện hàng ngày ở Việt Nam"⁽²⁰⁾. *Những nguyên tắc tổng quát* mà văn kiện yêu cầu là: Tiến trình hội nhập văn hoá phải giữ được tính hiệp nhất cốt yếu của nghi lễ Rôma (số 36, 75). Công cuộc hội nhập văn hoá không giả thiết tạo ra một tông phái nghi lễ mới. Hội nhập văn hoá cần đáp ứng nhu cầu của từng nền văn hoá

đặc thù và hướng tới việc thích nghi những gì được coi là thực chất của nghi lễ Rôma (số 36, 77).

Phần *Những áp dụng có thể thực hiện* Văn kiện nêu ra những vấn đề dưới đây cho các thẩm quyền Giáo hội mỗi nước thực hiện:

Số 38. Khảo sát nguồn gốc Kinh Thánh và các giáo phụ.

Số 39. Ngôn ngữ.

Số 40. Thánh nhạc và Thánh ca.

Số 41. Cử điệu và cung cách.

Số 42. Nơi một số dân tộc việc ca hát đương nhiên gắn liền với vỗ tay, lắc lư theo nhịp điệu và những động tác nhảy múa từ các tham dự viên.

Số 43. Cử hành phụng vụ được phong phú hoá nhờ sự hiện diện của nghệ thuật, giúp tín hữu cử hành nghi lễ, gặp gỡ Thiên Chúa và cầu nguyện.

Số 44. Cổ võ mọi tín hữu sùng kính ảnh tượng Chúa Kitô, đức trinh nữ Maria và các thánh.

Số 45. Trong một số giáo hội đặc thù, là nhiều cách biểu lộ khác nhau của lòng sùng kính dân gian.

Phần: *Sự khôn ngoan cần thiết*, văn kiện nhắc nhở: Phụng vụ là cách diễn tả đức tin đối với đời sống Kitô giáo, và vì thế cần phải bảo đảm rằng việc hội nhập văn hoá phụng vụ không được ghi dấu ấn, dù chỉ có vẻ bề ngoài của một thứ chủ trương pha tạp tôn giáo.

18. Xem: Nguyễn Hồng Dương. *Nghi lễ và lối sống Công giáo trong văn hoá Việt Nam*. Nxb KHXH, Hà Nội, 2001, từ trang 61 đến trang 83.

19. Bản tin *Hiệp thông*. Số 5 - 1999, tr. 52, 53.

20. Bản tin *Hiệp thông*. Số 5 - 1999, tr. 123.

Có thể nói hai văn kiện trên về cơ bản đã đưa ra những nội dung của hội nhập văn hoá cùng những nguyên tắc cần thiết để bảo vệ căn tính Kitô giáo.

Về phía Giáo hội Công giáo Việt Nam chúng tôi xin trưng dẫn ra đây hai tài liệu: Một là bài viết của Tổng Giám mục Gioan Baotixita Phạm Minh Mẫn với tựa đề: *Hội nhập văn hoá*; hai là: Thư Mục vụ của Hội đồng Giám mục Việt Nam (năm 2000).

Trong bài viết: *Hội nhập văn hoá*, Tổng Giám mục Gioan Baotixita Phạm Minh Mẫn với *cái nhìn tổng quát* cho rằng tương quan giảng đức tin và văn hoá không phải là vấn đề mới, nhưng đã được đặt ra ngay từ buổi đầu của Kitô giáo. Song trước đây Giáo hội coi chỉ có một nền văn hoá duy nhất, từ đó xuất hiện khuynh hướng phủ nhận cái gì khác với mình và áp đặt cái của mình cho người khác, còn bây giờ nhìn nhận nền văn hoá của các dân tộc. Theo tác giả, trong tiến trình hội nhập văn hoá, có hai bước song hành:

- Bước vào một nền văn hoá, đối thoại với nó.

- Tác động hỗ tương giữa đức tin và văn hoá⁽²¹⁾.

Chấp nhận nền văn hoá khác mình, bước vào đó đối thoại là *cái nhìn mới* mẻ chỉ có

từ sau Công đồng Vatican II. Tinh thần ấy đến nay vẫn được triển khai cả trên bình diện lí luận cũng như thực hành. Trước Công đồng Vatican II Công giáo Việt Nam về mặt phi quan phương có sự hội nhập với văn hoá truyền thống Việt Nam. Song cũng như Giáo hội Công giáo hoàn vũ, Công giáo Việt Nam về mặt quan phương cũng phải bắt đầu từ sau Công đồng Vatican II mới thực sự bước vào cuộc đối thoại với văn hoá Việt Nam.

Để cuộc đối thoại đạt được kết quả, trước hết Giáo hội đã tự kiểm điểm một cách sâu sắc, thẳng thắn, sau đó là sự tìm hiểu kĩ càng nền văn hoá mà mình đối thoại từ đó mới có thể hội nhập được.

Việc hội nhập với văn hoá dân tộc theo những văn kiện của Rôma là tùy vào điều kiện lịch sử, địa lí, đặc thù mỗi nền văn hoá. Ở Việt Nam được Giáo hội xác định là *Làm chứng và loan báo Tin Mừng theo cung cách Việt Nam*. Đó chính là tinh thần chủ đạo của Thư Mục vụ của Hội đồng Giám mục Việt Nam (năm 2000)⁽²²⁾./.

21. Bản tin *Hiệp thông*. Số 5 - 1999, tr. 256, 257.

22. *Thư Mục vụ của Hội đồng Giám mục Việt Nam gửi toàn thể Dân Chúa*. Nguyệt san *Công giáo và Dân tộc*, 11-2000. Tr. 5.